

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát” của Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Bình Định thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đối với các mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công công trình sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 188/GP-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành;*

*Theo kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tỉnh Bình Định ngày 21/11/2023 và bản nhận xét, đánh giá của các Ủy viên Hội đồng và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1491/TTr-STNMT ngày 11/12/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định” do Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành với thực hiện với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng là 6,05ha có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ theo cấp 122: 356.904m<sup>3</sup> (khu I: 188.555m<sup>3</sup> và khu II: 238.349m<sup>3</sup>).

3. Hệ số nở rori: khu I là 1,214 và khu II là 1,220.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đất làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục 2 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác

Trữ lượng địa chất đất làm vật liệu san lấp khu mỏ cấp 122 là 356.904m<sup>3</sup>

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND xã Cát Nhơn; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, PCT TT: N. T. Thanh;
- Cục KS Việt Nam;
- Chi cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K<sub>4</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

**Tọa độ khu vực thăm dò và phê duyệt trữ lượng khoáng sản  
đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày tháng năm  
2023 của UBND tỉnh Bình Định )

TT	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 108° 15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
<b>Khu vực I có diện tích 2,55ha</b>		
1	1.546.045	595.158
2	1.546.071	595.303
3	1.545.956	595.324
4	1.545.951	595.290
5	1.545.839	595.214
6	1.545.847	595.161
7	1.545.973	595.172
<b>Khu vực II có diện tích 3,5ha</b>		
1	1.546.541	598.280
2	1.546.582	598.542
3	1.546.445	598.448
4	1.546.338	598.449
5	1.546.308	598.363
6	1.546.411	598.338
<b>Tổng diện tích khu vực thăm dò: 6,05ha</b>		

**Thống kê trữ lượng khoáng sản**  
**đất làm vật liệu san lấp tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định**  
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023  
của UBND tỉnh Bình Định )

<b>Khu thăm dò</b>	<b>Số hiệu khối</b>	<b>Chiều dày TB (1) (m)</b>	<b>Diện tích khối đo trên bình đồ (2) (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Cos <math>\alpha</math> (3)</b>	<b>Diện tích khối thực (4=2/3) (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Trữ lượng cấp 122 (5=4*1) (m<sup>3</sup>)</b>
<b>Khu vực I</b>	TT1-122	5,85	15.590	0,99	15.747	92.120
	TT2-122	5,07	5.110	0,98	5.214	26.435
<b>Tổng</b>						<b>118.555</b>
<b>Khu vực II</b>	TT3-122	6,67	24.150	0,98	24.643	164.369
	TT4-122	6,75	10.850	0,99	10.960	73.980
<b>Tổng</b>						<b>238.349</b>
<b>Tổng cộng khu vực I và khu vực II</b>						<b>365.904</b>

# BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHU I

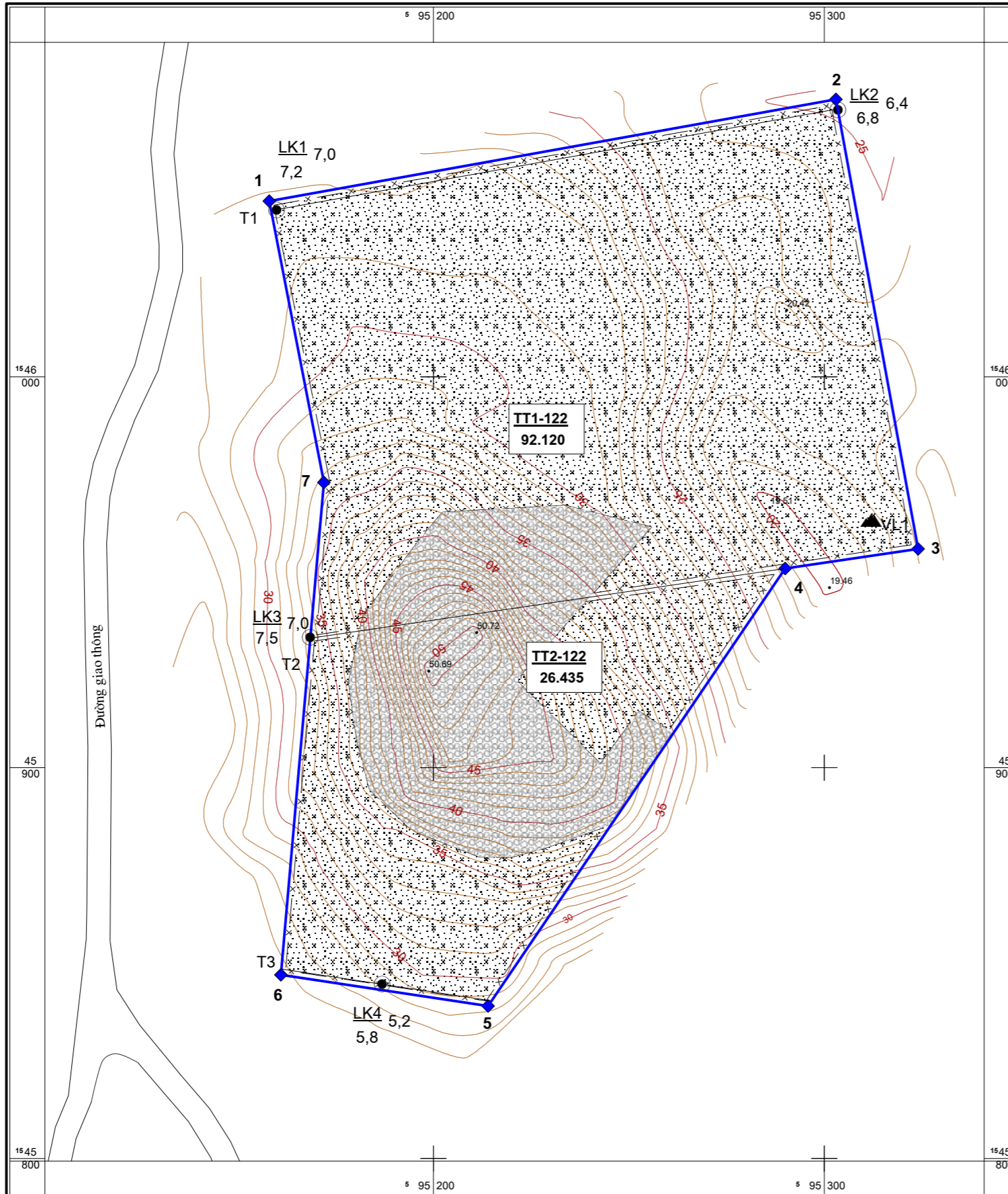
ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ CÁT NHƠN, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định

## PHỤ LỤC

### CHỈ DẪN

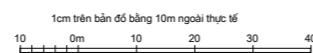
- TT1-122**  
**92.120** Số hiệu khối - Cấp trữ lượng  
Trữ lượng (m<sup>3</sup>)
- Khối trữ lượng đất san lấp cấp 122
- Diện tích lộ đá lăn: đá granit biotit
- T.2 Hệ thống tuyến thăm dò
- LK1 7,2 7,0 Lỗ khoan Số hiệu Chiều dày tầng đất san lấp (m)  
thăm dò Chiều sâu (m)
- Đường đồng mức và giá trị độ cao
- Đường giao thông
- 2 Điểm góc và số hiệu
- 19.51 Điểm giá trị độ cao
- VL1 Vết lộ dọn sạch và số hiệu
- Diện tích thăm dò khu I



BẢNG TÍNH TRỮ LƯỢNG ĐẤT SAN LẤP

TT	Số hiệu khối	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (1) (m)	Diện tích khối đo trên bình đồ (2) (m <sup>2</sup> )	Cos α (3)	Diện tích khối thực (4 = 2 / 3) (m <sup>2</sup> )	Trữ lượng cấp 122 (5 = 4 * 1) (m <sup>3</sup> )
1	TT1-122	LK1	7,0	5,85	15.590	0,99	15.747	92.120
		LK2	6,4					
		LK3	7,0					
		VL1	3,0					
2	TT2-122	LK3	7,0	5,07	5.110	0,98	5.214	26.435
		VL1	3,0					
		LK4	5,2					
<b>TỔNG</b>								<b>118.555</b>

TỶ LỆ 1:1.000

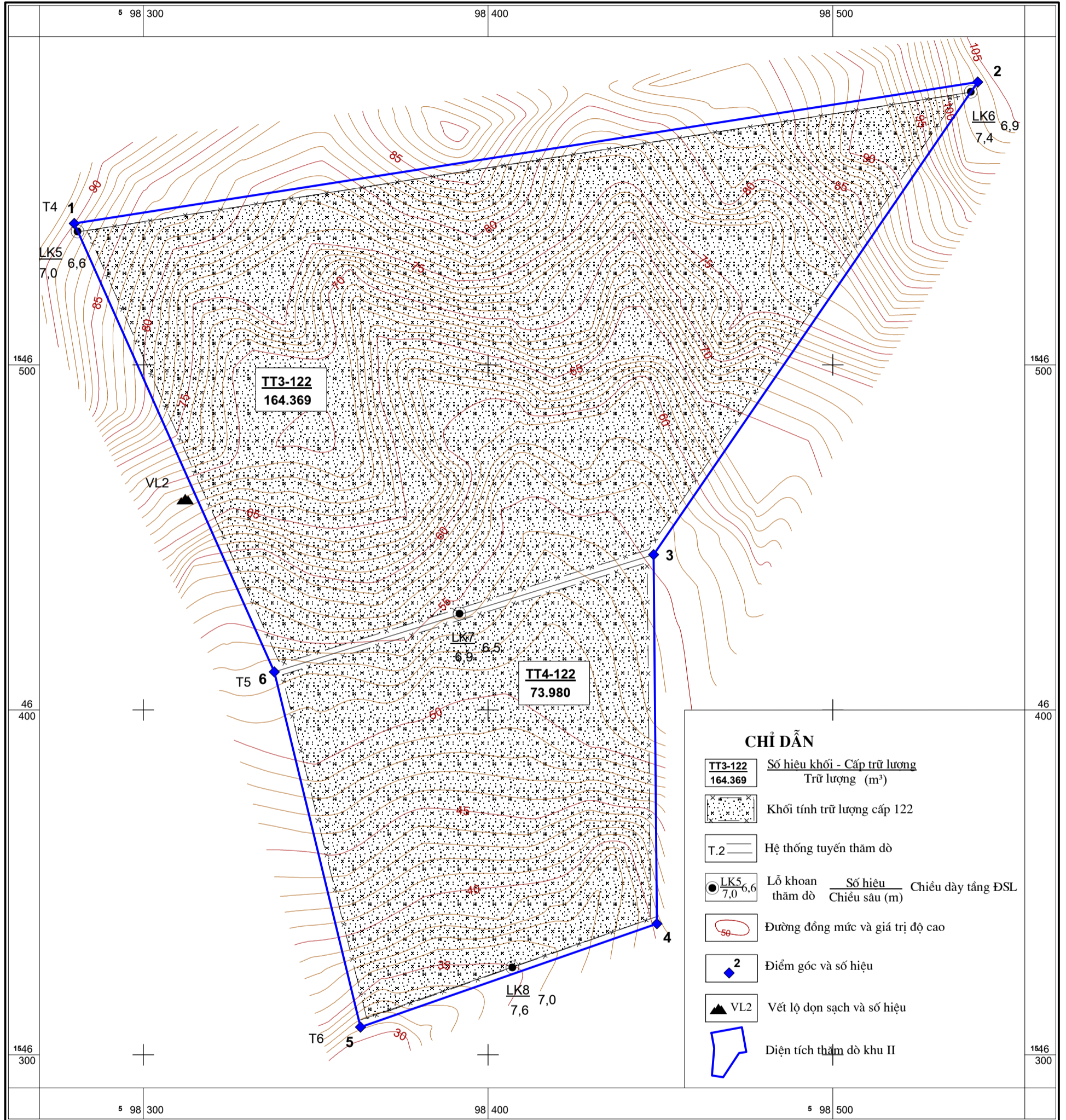


Bản đồ thành lập bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp:  
Hoàn thành tháng 10 năm 2023.  
Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000 và độ cao Quốc gia Hòn Dấu  
múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút.

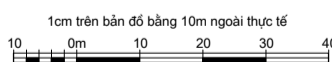
# BÌNH ĐỒ PHÂN KHỐI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHU II

ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI XÃ CÁT NHƠN, HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định



TỶ LỆ 1:1.000



Bản đồ thành lập bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp:  
 Hoàn thành tháng 10 năm 2023.  
 Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000 và độ cao Quốc gia Hòn Dấu  
 múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút.

BẢNG TÍNH TRỮ LƯỢNG ĐẤT SAN LẤP

TT	Số hiệu khối	Công trình	Chiều dày tầng sản phẩm (m)	Chiều dày trung bình (1) (m)	Diện tích khối đo trên bình đồ (2) (m <sup>2</sup> )	Cos α (3)	Diện tích khối thực (4 = 2 / 3) (m <sup>2</sup> )	Trữ lượng cấp 122 (5 = 4 * 1) (m <sup>3</sup> )
1	TT3-122	LK5	6,6	6,67	24.150	0,98	24.643	164.369
		LK6	6,9					
		LK7	6,5					
2	TT4-122	LK7	6,5	6,75	10.850	0,99	10.960	73.980
		LK8	7,0					
<b>TỔNG</b>								<b>238.349</b>